

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ AN PHÁT HÀ NỘI**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ AN PHÁT HÀ NỘI

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: AN PHATHA NOI INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: AN PHAT HA NOI .,JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0107307040

**3. Ngày thành lập:** 21/01/2016

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

C21, lô 18, Khu đô thị Định Công, Phường Định Công, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 04 6655 8668

Fax:

Email: [congyapic@gmail.com](mailto:congyapic@gmail.com)

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                     | Mã ngành |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Sản xuất thủy tinh và sản phẩm từ thủy tinh                                                                   | 2310     |
| 2.  | Sản xuất sản phẩm chịu lửa                                                                                    | 2391     |
| 3.  | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét                                                                         | 2392     |
| 4.  | Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác                                                                                 | 2393     |
| 5.  | Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao                                                                            | 2394     |
| 6.  | Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao                                                      | 2395     |
| 7.  | Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá                                                                                 | 2396     |
| 8.  | Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu                                     | 2399     |
| 9.  | Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét                                                                               | 0810     |
| 10. | Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón                                                                  | 0891     |
| 11. | Khai thác và thu gom than bùn                                                                                 | 0892     |
| 12. | Khai thác muối                                                                                                | 0893     |
| 13. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                                   | 5210     |
| 14. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ                                          | 5221     |
| 15. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày                                                                                     | 5510     |
| 16. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                              | 5610     |
| 17. | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...) | 5621     |
| 18. | Dịch vụ ăn uống khác                                                                                          | 5629     |
| 19. | Xây dựng nhà các loại                                                                                         | 4100     |
| 20. | Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ                                                                     | 4210     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                   |             |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 21. | Xây dựng công trình công ích                                                                                                                                                                                                                                      | 4220        |
| 22. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                                                                                                                        | 4290        |
| 23. | Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                                                                                                                                               | 4511        |
| 24. | Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống)                                                                                                                                                                                                                      | 4512        |
| 25. | Đại lý ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                                                                                                                                                 | 4513        |
| 26. | Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                                                                                                                                    | 4520(Chính) |
| 27. | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                                                                                                                | 4530        |
| 28. | Bán mô tô, xe máy                                                                                                                                                                                                                                                 | 4541        |
| 29. | Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy                                                                                                                                                                                                                               | 4542        |
| 30. | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy                                                                                                                                                                                                             | 4543        |
| 31. | Đại lý, môi giới, đấu giá<br>Chi tiết: Đại lý                                                                                                                                                                                                                     | 4610        |
| 32. | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống                                                                                                                                                                                            | 4620        |
| 33. | Bán buôn gạo                                                                                                                                                                                                                                                      | 4631        |
| 34. | Bán buôn thực phẩm                                                                                                                                                                                                                                                | 4632        |
| 35. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                                                                                                                                                                                                                | 4649        |
| 36. | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)                                                                                                                                                                               | 4931        |
| 37. | Vận tải hành khách đường bộ khác                                                                                                                                                                                                                                  | 4932        |
| 38. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                                                                                    | 4933        |
| 39. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật) | 8299        |
| 40. | Quảng cáo                                                                                                                                                                                                                                                         | 7310        |
| 41. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận                                                                                                                                                                                                                          | 7320        |
| 42. | Cho thuê xe có động cơ                                                                                                                                                                                                                                            | 7710        |
| 43. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác                                                                                                                                                                                                               | 7730        |

**6. Vốn điều lệ:** 1.600.000.000 VNĐ  
**Mệnh giá cổ phần:** 10.000 VNĐ/Cổ phần

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông      | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN QUỐC VIỆT | Nhà số 08, phố Hàng Mã, Phường Hàng Mã, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam   | Cổ phần phổ thông | 30.000     | 300.000.000           | 18,750    | 011589804                                                                                   |         |
|     |                  |                                                                                      | Tổng số           | 30.000     | 300.000.000           | 18,750    |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                      |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | PHẠM HỒNG HIỆP   | Tổ dân phố Phú Mỹ, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam    | Cổ phần phổ thông | 50.000     | 500.000.000           | 31,250    | 0310750000<br>04                                                                            |         |
|     |                  |                                                                                      | Tổng số           | 50.000     | 500.000.000           | 31,250    |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                      |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 3   | PHẠM THANH LONG  | Số 163B, tổ 9C, Phường Trung Liệt, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam          | Cổ phần phổ thông | 40.000     | 400.000.000           | 25,000    | 012205052                                                                                   |         |
|     |                  |                                                                                      | Tổng số           | 40.000     | 400.000.000           | 25,000    |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                      |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 4   | TẠ CHÍ THUÂN     | Thôn Đông Mai, Xã Chỉ Đạo, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam                    | Cổ phần phổ thông | 40.000     | 400.000.000           | 25,000    | 145205345                                                                                   |         |
|     |                  |                                                                                      | Tổng số           | 40.000     | 400.000.000           | 25,000    |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                      |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |

#### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

**10. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: NGUYỄN QUỐC VIỆT

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *30/05/1966*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *011589804*

Ngày cấp: *09/09/2009*

Nơi cấp: *Công an thành phố Hà Nội*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Nhà số 08, phố Hàng Mã, Phường Hàng Mã, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Nhà số 08, phố Hàng Mã, Phường Hàng Mã, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**11. Nơi đăng ký:** *Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội*